

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI**



SỔ TAY HỌC VIÊN THẠC SĨ

HÀ NỘI -2021

MỤC LỤC

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI	3
1.1. Lịch sử hình thành và phát triển	3
1.2. Triết lý giáo dục.....	3
1.3. Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi.....	4
1.4. Mục tiêu chiến lược	4
1.5. Cơ cấu tổ chức	5
1.6. Thành tích đạt được.....	5
1.7. Thông tin về mô hình đào tạo.....	6
PHẦN II. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	9
2.1. Các chương trình đào tạo thạc sĩ của Trường Đại học Giao thông vận tải	9
2.2. Mục tiêu đào tạo	10
2.3. Cấu trúc chương trình đào tạo: chương trình đào tạo Thạc sĩ có thời lượng 63 tín chỉ (bao gồm học phần Triết học, không bao gồm học phần ngoại ngữ).	11
2.4. Chương trình đào tạo các ngành thạc sĩ của Trường Đại học Giao thông vận tải.....	12
PHẦN III. HỌC TẬP CỦA HỌC VIÊN	13
3.1. Đăng ký và tham dự các lớp học phần	13
3.2. Đánh giá kết quả học tập	13
3.3. Quy đổi giữa thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ.....	14
3.4. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ.....	15
3.5. Học lại và học cải thiện điểm.....	16
3.6. Luận văn và hướng dẫn luận văn	16
3.7. Thẩm định luận văn	18
3.8. Hướng dẫn, đánh giá và thẩm định học phần tốt nghiệp chương trình định hướng ứng dụng	18
3.9. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ	19
PHẦN IV. NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC ĐỐI VỚI HỌC VIÊN	20
4.1. Gia hạn bảo vệ luận văn/đề án, nghỉ học tạm thời, thôi học.....	20
4.2. Nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả	20
4.3. Chuyển cơ sở đào tạo, chuyển nơi học và chuyển chương trình đào tạo	21
4.4. Trao đổi học viên và hợp tác trong đào tạo	22
4.5. Xử lý vi phạm đối với học viên	23
PHẦN V. THÔNG TIN LIÊN HỆ	24

DANH MỤC HÌNH

- Hình 1. Sơ đồ Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học GTVT5
- Hình 2. Mô hình đào tạo bậc đại học và sau đại học áp dụng trong Nhà trường6

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Trường Đại học GTVT có tiền thân là Trường Công chính Đông Dương, được thành lập từ năm 1902. Trường được khai giảng lại dưới chính quyền cách mạng năm 1945, sau một vài lần đổi tên, chia tách, sát nhập, từ năm 1962, trường chính thức có tên gọi là Trường Đại học GTVT. Trường hiện có 2 cơ sở, trụ sở chính tại Thủ đô Hà Nội và một Phân hiệu đặt tại Thành phố Thủ Đức (thuộc Thành phố Hồ Chí Minh).

Về lĩnh vực đào tạo, Trường Đại học GTVT là một trong những cơ sở GDĐH đầu tiên được kiểm định chất lượng giáo dục đại học lần I (năm 2016), lần II (năm 2021); hầu hết các chương trình đào tạo cốt lõi của trường, đặc biệt là các ngành liên quan đến GTVT đều đã được kiểm định quốc tế (năm 2021, 2023). Chất lượng sinh viên tốt nghiệp Trường Đại học GTVT được các doanh nghiệp, tổ chức xã hội trong ngành GTVT đánh giá cao. Các cựu sinh viên của Nhà trường là các cán bộ chủ chốt, có đóng góp tích cực trong ngành GTVT của đất nước, tham gia thực hiện các công tác từ quản lý nhà nước, tư vấn, thiết kế, xây dựng và nghiên cứu.

Về lĩnh vực khoa học công nghệ, Trường là một trong 20 cơ sở giáo dục đại học có chỉ số xuất bản NCKH hàng đầu Việt Nam. Nhiều sản phẩm KHCN tiêu biểu của Nhà trường đã được cấp bằng sáng chế/giải pháp hữu ích và được ứng dụng thành công, góp phần thúc đẩy ứng dụng KHCN vào phục vụ cộng đồng.

Trường Đại học GTVT hiện là trường đại học duy nhất trong lĩnh vực GTVT của Việt Nam được tổ chức Quacquarelli Symonds (Vương quốc Anh) xếp hạng trong bảng xếp hạng các trường đại học khu vực châu Á.

1.2. Triết lý giáo dục

Trường Đại học GTVT hướng tới đào tạo người học trở thành công dân toàn cầu, có tinh thần dân tộc và trách nhiệm quốc tế.

Hoạt động đào tạo giúp người học phát triển toàn diện về đức-trí-thể-mỹ, trang bị kiến thức nền tảng cốt lõi và chuyên sâu cho mỗi cá nhân. Nhà trường xác định giáo dục phải gắn kết chặt chẽ với tiến bộ khoa học và công nghệ của thế giới, nhu cầu nguồn nhân lực, sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và nhiệm vụ bảo vệ, xây dựng Tổ quốc.

Nhà trường áp dụng phương pháp giáo dục tích cực, học đi đôi với hành, kiến tạo

môi trường giúp người học xây dựng và rèn luyện ý thức tự học suốt đời, khả năng thích ứng với mọi hoàn cảnh nhằm phát huy tốt nhất tiềm năng và khả năng sáng tạo.

Nhà trường xác định người học là trung tâm, người thầy truyền cảm hứng.

1.3. Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi

Sứ mạng

Trường Đại học Giao thông vận tải có sứ mạng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ chất lượng cao theo xu thế hội nhập, có trách nhiệm xã hội nhằm thúc đẩy sự phát triển bền vững của ngành giao thông vận tải và đất nước.

Tầm nhìn

Trở thành trường đại học đa ngành theo định hướng nghiên cứu, khẳng định vị thế hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực giao thông vận tải, có uy tín và chất lượng ngang tầm Châu Á.

Giá trị cốt lõi

Tiên phong - Chất lượng - Trách nhiệm - Thích ứng

- **Tiên phong:** Luôn đi trước, đón đầu các xu thế phát triển trong đào tạo và nghiên cứu khoa học, chủ động nắm bắt và giải quyết những thách thức của xã hội;

- **Chất lượng:** Tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao, các sản phẩm KHCN có uy tín;

- **Trách nhiệm:** Đối với viên chức, người lao động, người học, cộng đồng, xã hội và quốc tế;

- **Thích ứng:** Đổi mới phù hợp với điều kiện, thời gian, hoàn cảnh để ngày một phát triển.

1.4. Mục tiêu chiến lược

- Trở thành trường đại học đa ngành theo định hướng nghiên cứu;

- Xây dựng, phát triển các viện, trung tâm nghiên cứu khoa học mạnh, có uy tín và năng lực xuất khẩu tri thức, chuyển giao công nghệ, đặc biệt là trong lĩnh vực GTVT;

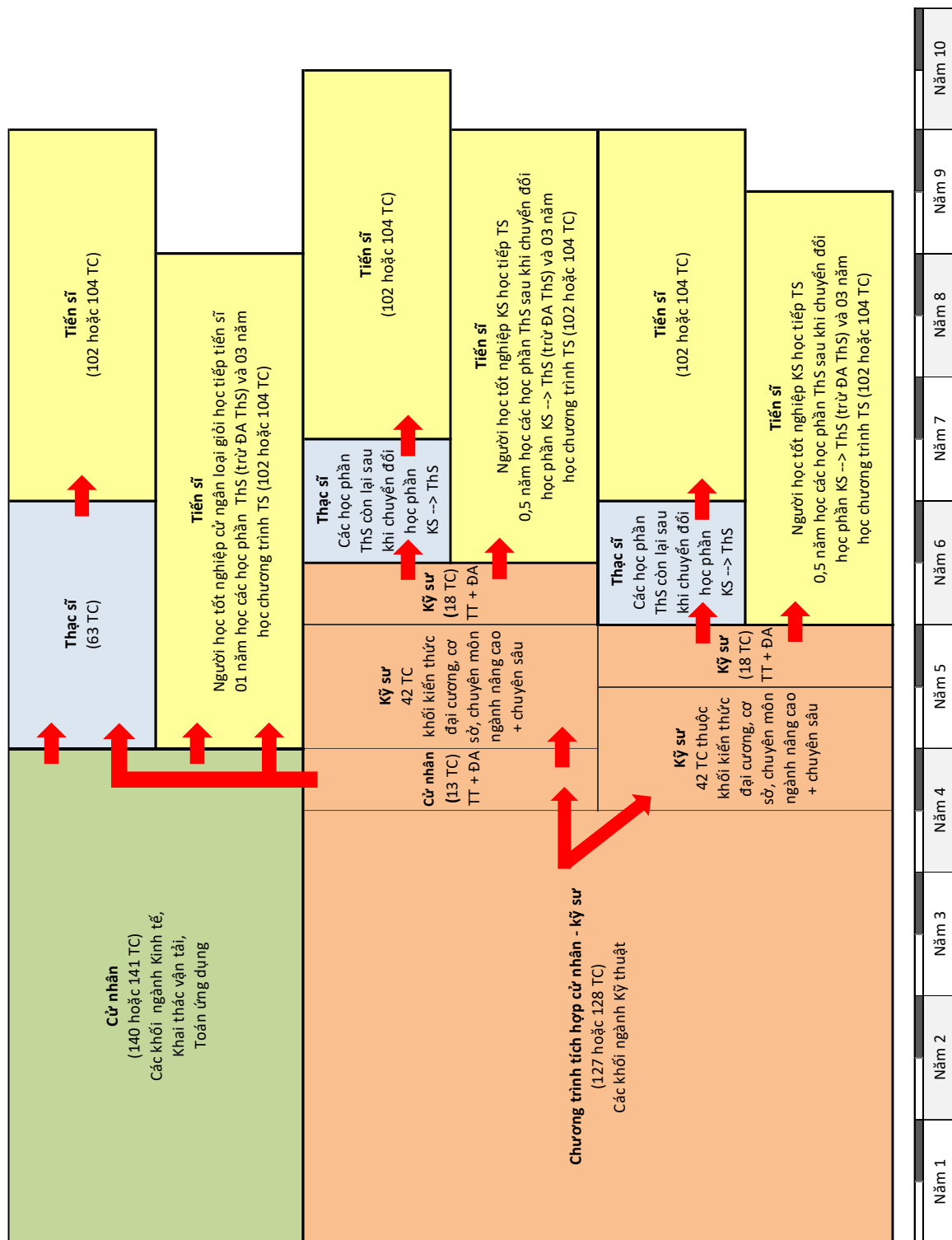
- Đảm bảo chất lượng đào tạo theo chuẩn mực quốc tế;

- Kiến tạo môi trường giáo dục chủ động và sáng tạo, hình thành ý thức học tập suốt đời, thích ứng với mọi điều kiện hoàn cảnh;

- Có trách nhiệm với cộng đồng, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước.

1.7. Thông tin về mô hình đào tạo

Chi tiết về mô hình đào tạo bậc đại học và sau đại học áp dụng trong Nhà trường được thể hiện trên sơ đồ Hình 2.



Ghi chú: ĐA - Đồ án tốt nghiệp; KS - Kỹ sư; TC - Tín chỉ; ThS - Thạc sĩ; TS - Tiến sĩ; TT - Thực tập tốt nghiệp.

Hình 2. Mô hình đào tạo bậc đại học và sau đại học áp dụng trong Nhà trường

Mô hình đào tạo bậc đại học

Nhà trường thiết kế và áp dụng mô hình đào tạo bậc đại học theo mô hình đào tạo cử nhân và đào tạo tích hợp cử nhân - kỹ sư. Trong đó, đào tạo cử nhân đối với các ngành thuộc khối ngành Kinh tế, ngành Khai thác vận tải và ngành Toán ứng dụng với thời lượng 140 (hoặc 141) tín chỉ trong thời gian của khóa học là 4 năm, đào tạo tích hợp cử nhân - kỹ sư đối với các ngành thuộc khối ngành Kỹ thuật với tổng thời lượng 187 (hoặc 188) tín chỉ trong thời gian của khóa học là 5 năm. Chương trình đào tạo tích hợp cử nhân - kỹ sư được thiết kế theo ngành trong 3,5 năm với 127 (hoặc 128) tín chỉ, sau 3,5 năm người học được chọn 1 trong 2 lựa chọn: (i) Đăng ký thực tập và làm đồ án tốt nghiệp (13 tín chỉ) và nhận bằng cử nhân; (ii) Tiếp tục học 1,5 năm chương trình kỹ sư và nhận bằng kỹ sư. Sau khi tốt nghiệp chương trình cử nhân, người học có thể lựa chọn học 1,5 năm chương trình kỹ sư và nhận bằng kỹ sư.

Mô hình đào tạo sau đại học

Đào tạo Thạc sĩ:

- Người học tốt nghiệp chương trình cử nhân học tiếp lên chương trình thạc sĩ: tổng thời lượng đào tạo 63 tín chỉ, thời gian của khóa học là 2 năm.
- Người học tốt nghiệp chương trình tích hợp cử nhân - kỹ sư hoặc tốt nghiệp chương trình kỹ sư, học tiếp lên chương trình thạc sĩ, được chuyển đổi một số học phần của chương trình kỹ sư theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo Thạc sĩ, để đạt tổng thời lượng đào tạo 63 tín chỉ.

Đào tạo Tiến sĩ:

- Người học tốt nghiệp chương trình thạc sĩ học tiếp lên chương trình tiến sĩ: tổng thời lượng đào tạo 102 tín chỉ (ngành Công nghệ thông tin: 104 tín chỉ), thời gian của khóa học là 3 năm.
- Người học tốt nghiệp chương trình cử nhân (bằng loại Giỏi) học tiếp lên chương trình tiến sĩ:
 - + Học bổ sung các học phần của chương trình thạc sĩ (trừ học phần đồ án tốt nghiệp);
 - + Học chương trình tiến sĩ, thời lượng đào tạo 102 tín chỉ (ngành Công nghệ thông tin: 104 tín chỉ).

Thời gian của khóa học là 4 năm.

- Người học tốt nghiệp chương trình tích hợp cử nhân - kỹ sư học tiếp lên chương trình tiến sĩ:

- + Được chuyển đổi một số học phần của chương trình kỹ sư theo khung chương trình thạc sĩ của ngành đào tạo;
- + Học bổ sung các học phần của chương trình thạc sĩ còn lại (trừ học phần đồ án tốt nghiệp);
- + Học chương trình tiến sĩ, thời lượng đào tạo 102 tín chỉ (ngành Công nghệ thông tin: 104 tín chỉ).

Thời gian của khóa học là 3,5 năm.

PHẦN II. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Các chương trình đào tạo thạc sĩ của Trường Đại học Giao thông vận tải

DANH SÁCH CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1826 /QĐ-ĐHGTVT ngày 16 tháng 08 năm 2023

của Hiệu trưởng trường Đại học Giao thông vận tải)

STT	Mã ngành	Tên chương trình đào tạo	Định hướng	Mã CTĐT
1.	8840103	Tổ chức và quản lý vận tải đường sắt	NC	MR.TE10
		Tổ chức và quản lý vận tải đường sắt	UD	MA.TE10
		Tổ chức và quản lý vận tải đường bộ	NC	MR.TE10
		Tổ chức và quản lý vận tải đường bộ	UD	MA.TE10
2.	8340101	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	NC	MR.TE5
		Quản trị nhân lực doanh nghiệp	UD	MA.TE5
		Quản trị chiến lược doanh nghiệp	NC	MR.TE5
		Quản trị chiến lược doanh nghiệp	UD	MA.TE5
3.	8310110	Quản lý kinh tế	NC	MR.TE9
		Quản lý kinh tế	UD	MA.TE9
4.	8580302	Kinh tế và Quản lý cơ sở hạ tầng	NC	MR.CM2
		Kinh tế và Quản lý cơ sở hạ tầng	UD	MA.CM2
		Kinh tế và Quản lý đầu tư xây dựng	NC	MR.CM2
		Kinh tế và Quản lý đầu tư xây dựng	UD	MA.CM2
		Quản lý dự án xây dựng	NC	MR.CM2
		Quản lý dự án xây dựng	UD	MA.CM2
		Quản lý ngành công nghiệp xây dựng	NC	MR.CM2
		Quản lý ngành công nghiệp xây dựng	UD	MA.CM2
5.	8580201	Kỹ thuật xây dựng	NC	MR.CA1
		Kỹ thuật xây dựng	UD	MA.CA1
6.	8520208	Kỹ thuật viễn thông	NC	MR.EE7
		Kỹ thuật viễn thông	UD	MA.EE7
7.	8520203	Kỹ thuật điện tử	NC	MR.EE6
		Kỹ thuật điện tử	UD	MA.EE6

STT	Mã ngành	Tên chương trình đào tạo	Định hướng	Mã CTĐT
8.	8520216	Tự động hóa	NC	MR.EE7
		Tự động hóa	UD	MA.EE3
		Kỹ thuật điều khiển giao thông	NC	MR.EE7
		Kỹ thuật điều khiển giao thông	UD	MA.EE3
9.	8580205	Cầu đường	NC	MR.CE1
		Cầu đường	UD	MA.CE1
		Cầu và kết cấu	NC	MR.CE1
		Cầu và kết cấu	UD	MA.CE1
		Đường bộ và Kỹ thuật giao thông	NC	MR.CE1
		Đường bộ và Kỹ thuật giao thông	UD	MA.CE1
		Đường sắt	NC	MR.CE1
		Đường sắt	UD	MA.CE1
		Công trình giao thông đô thị	NC	MR.CE1
		Công trình giao thông đô thị	UD	MA.CE1
		Xây dựng sân bay và cảng hàng không	NC	MR.CE1
		Xây dựng sân bay và cảng hàng không	UD	MA.CE1
10.	8580210	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng đô thị	NC	MR.CE3
		Kỹ thuật cơ sở hạ tầng đô thị	UD	MA.CE3
11.	8480201	Công nghệ thông tin	NC	MR.IT1
		Công nghệ thông tin	UD	MA.IT1
12.	8520116	Kỹ thuật phương tiện đường sắt	NC	MR.ME4
		Kỹ thuật phương tiện đường sắt	UD	MA.ME4
		Kỹ thuật máy động lực	NC	MR.ME4
		Kỹ thuật máy động lực	UD	MA.ME4
		Máy xây dựng	NC	MR.ME4
		Máy xây dựng	UD	MA.ME4

2.2. Mục tiêu đào tạo

- **Chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng nghiên cứu:** mục tiêu và nội dung theo hướng chuyên sâu về nguyên lý, lý thuyết cơ bản trong các lĩnh vực khoa học, phát triển các công nghệ nguồn làm nền tảng để phát triển các lĩnh vực khoa học ứng dụng và công nghệ.

- **Chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng ứng dụng:** mục tiêu và nội dung theo hướng phát triển kết quả nghiên cứu cơ bản, ứng dụng các công nghệ nguồn thành các giải pháp công nghệ, quy trình quản lý, thiết kế các công cụ hoàn chỉnh phục vụ nhu cầu đa dạng của con người.

2.3. **Cấu trúc chương trình đào tạo:** chương trình đào tạo Thạc sĩ có thời lượng 63 tín chỉ (bao gồm học phần Triết học, không bao gồm học phần ngoại ngữ).

Chương trình thạc sĩ nghiên cứu

a) Khối kiến thức cơ sở ngành, chuyên môn ngành nâng cao, chuyên ngành: 30 tín chỉ.

- Đối với chương trình khối kỹ thuật thừa kế tối đa 30 tín chỉ từ kỹ sư, trong đó đảm bảo thừa kế 3-6 tín chỉ chuyên môn sâu về nguyên lý, lý thuyết.

- Đối với chương trình khối kinh tế quản lý thiết kế 30 tín chỉ cơ sở, chuyên môn ngành nâng cao, chuyên ngành, trong đó có 3-6 tín chỉ chuyên môn sâu về nguyên lý, lý thuyết.

b) Khối kiến thức triết học và các kiến thức chuyên môn sâu về nguyên lý, lý thuyết cơ bản: 9 tín chỉ (3 tín chỉ triết học và 6 tín chỉ chuyên môn sâu về nguyên lý, lý thuyết)

c) Khối kiến thức chuyên đề nghiên cứu và dự án: 12 tín chỉ.

d) Luận văn tốt nghiệp: 12 tín chỉ.

Chương trình thạc sĩ ứng dụng

a) Khối kiến thức cơ sở ngành, chuyên môn ngành nâng cao, chuyên ngành: 30 tín chỉ.

- Đối với chương trình khối kỹ thuật thừa kế tối đa 30 tín chỉ từ kỹ sư, trong đó đảm bảo thừa kế 3-6 tín chỉ chuyên môn sâu về nguyên lý, lý thuyết.

- Đối với chương trình khối kinh tế quản lý thiết kế 30 tín chỉ cơ sở, chuyên môn ngành nâng cao và chuyên ngành, trong đó có 3-6 tín chỉ chuyên môn sâu.

b) Khối kiến thức triết học và các kiến thức chuyên môn sâu về nguyên lý, lý thuyết cơ bản: 9 tín chỉ (3 tín chỉ triết học và 6 tín chỉ chuyên môn sâu về nguyên lý, lý thuyết).

c) Khối kiến thức ứng dụng: 12 tín chỉ, bao gồm 3 tín chỉ thực tập chuyên môn và 9 tín chỉ đồ án, dự án ứng dụng.

d) Thực tập tốt nghiệp và đề án đề án tốt nghiệp: 12 tín chỉ, bao gồm 3 tín chỉ thực tập tốt nghiệp và 9 tín chỉ đề án tốt nghiệp.

Thời gian đào tạo được quy định như sau:

a) Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa cho hình thức đào tạo chính quy là 02 năm.

b) Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học là 2,5 năm.

c) Thời gian tối đa để học viên hoàn thành khóa học không vượt quá 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với mỗi hình thức đào tạo.

2.4. Chương trình đào tạo các ngành thạc sĩ của Trường Đại học Giao thông vận tải

Xem chi tiết tại : <https://www.utc.edu.vn/Upload/FilePost/2023/08/28/16-08-23-qd-ban-hanh-ctdt-ths.pdf>

PHẦN III. HỌC TẬP CỦA HỌC VIÊN

3.1. Đăng ký và tham dự các lớp học phần

Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, Nhà trường thông báo cho học viên đăng ký học tập trên hệ thống quản lý đào tạo của Trường. Học viên phải đăng ký lớp của các học phần dự định sẽ học trong học kỳ, gồm: những học phần mới, một số học phần chưa đạt (để học lại) và một số học phần đã đạt (để cải thiện điểm, nếu có) căn cứ danh sách học phần được mở và điều kiện đăng ký của mỗi học phần. Trong mỗi học kỳ có một đợt đăng ký được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ.

Khối lượng học tập mà mỗi học viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ tối thiểu 12 tín chỉ và tối đa 22 tín chỉ, học viên hệ vừa làm vừa học được đăng ký tối thiểu 10 tín chỉ và tối đa 15 tín chỉ. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.

Trách nhiệm của học viên khi tham dự các lớp học phần:

- a) Đối với các học phần lý thuyết: Học viên phải tham gia ít nhất 50% số giờ học;
- b) Đối với các học phần thực hành, thí nghiệm: Học viên phải tham gia ít nhất 70% số giờ học;

c) Đối với các học phần có cả lý thuyết và thực hành, thí nghiệm: Học viên phải tham gia ít nhất 50% số giờ lý thuyết và 70% số giờ thực hành, thí nghiệm;

d) Đối với các học phần Tiểu luận, Bài tập lớn, Đồ án/TKMH/Dự án/Chuyên đề: Học viên phải thực hiện nhiệm vụ theo tiến độ quy định trong đề cương chi tiết học phần hoặc yêu cầu trong phiếu giao Tiểu luận, Bài tập lớn, Đồ án/TKMH/Dự án/Chuyên đề;

Học viên vi phạm các điều kiện trên sẽ không được dự thi kết thúc học phần và phải nhận điểm F là điểm học phần, giảng viên phụ trách lớp học phần công bố cho học viên biết tại buổi học cuối cùng của học phần.

3.2. Đánh giá kết quả học tập

1. Việc đánh giá học phần phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- a) Khách quan, chính xác, công bằng, phân loại được trình độ của người học; công khai, minh bạch các quy định về đánh giá và kết quả đánh giá học phần;
- b) Đề thi, kiểm tra phải phù hợp với nội dung và đảm bảo mục tiêu học phần đã xác định trong đề cương chi tiết;

c) Đúng hình thức và phương pháp đánh giá đã được quy định trong đề cương chi tiết của học phần;

d) Kết hợp kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập với thi kết thúc học phần;

đ) Kết hợp một số hình thức đánh giá (bài tập, tiểu luận, kết quả thực hành, báo cáo chuyên đề, thi viết, thi vấn đáp...) phù hợp với yêu cầu của học phần;

e) Kết hợp đánh giá ý thức học tập chuyên cần và tính độc lập, sáng tạo của người học.

2. Điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần là tổng của điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng, làm tròn đến một chữ số thập phân (trọng số của điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần phải quy định trong đề cương chi tiết học phần). Học phần đạt yêu cầu (học phần tích lũy) khi có điểm học phần từ 5,5 trở lên. Nếu điểm học phần dưới 5,5 thì học viên phải học lại học phần đó hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn). Điểm được công nhận sau khi học lại là điểm học phần cao nhất trong 2 lần học.

Học viên có điểm đánh giá quá trình bằng 1 (thang điểm 10) sẽ không được dự thi kết thúc học phần của học phần đó và nhận điểm 0. Học viên phải học lại học phần đó

3. Học viên đủ điều kiện tham gia dự thi nhưng vắng thi có lý do sẽ được dự thi bù cùng với lớp thi sau đó (cùng khóa, hoặc khóa sau)

Học viên bỏ thi không có lý do trong đợt thi kết thúc học phần bị nhận điểm 0 trong đợt thi đó. Học viên vắng mặt có lý do chính đáng được hoãn thi. Trong 5 ngày làm việc kể từ ngày thi, những học viên vắng mặt có lý do chính đáng phải làm đơn (kèm theo hồ sơ minh chứng cho lý do vắng mặt) ký xác nhận của Trưởng khoa/trung tâm/bộ môn và nộp phòng cho Đào tạo Sau đại học để xếp lịch thi bổ sung.

3.3. Quy đổi giữa thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

a) Điểm đánh giá quá trình, điểm thi kết thúc học phần được giảng viên chấm theo thang điểm 10, làm tròn điểm đến một chữ số thập phân. Việc quy đổi ra thang điểm chữ và thang điểm 4 được thực hiện bởi phần mềm quản lý đào tạo tin chỉ.

Quan hệ giữa thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ như sau:

Thang điểm 10	0-4,4	4,5-5,4	5,5-5,9	6,0-6,9	7,0-7,9	8,0-8,4	8,5-9,4	9,5-10
Thang điểm chữ	F	D	C	C+	B	B+	A	A+
Thang điểm 4	0	1	2,0	2,5	3,0	3,5	3,8	4,0
Xếp hạng	Không đạt		Trung bình		Khá		Giỏi	

b) Một học phần được công nhận là đạt (được tích lũy), nếu điểm học phần đạt từ 5,5 điểm (thang điểm 10) trở lên, hoặc từ điểm C (thang điểm chữ) trở lên, hoặc từ 2 điểm (thang điểm 4) trở lên.

c) Học phần Luận văn/ Đề án tốt nghiệp được công nhận là đạt nếu điểm học phần từ 5,5 điểm (thang điểm 10) trở lên.

3.4. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

1. Người học được xem xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ của một số học phần khi đã học một chương trình đào tạo thạc sĩ khác hoặc đã tốt nghiệp một chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học. Số tín chỉ được công nhận và chuyển đổi không vượt quá 30 tín chỉ.

2. Sinh viên đang học chương trình đào tạo đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) có trình độ năm thứ 3 và có điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên có thể được đăng ký học trước một số học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ tại cùng cơ sở đào tạo. Số tín chỉ được công nhận không vượt quá 15 tín chỉ.

3. Những học phần được xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này khi đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Đáp ứng chuẩn đầu ra, yêu cầu về giảng viên, khối lượng học tập và các yêu cầu khác của học phần trong chương trình đào tạo thạc sĩ;

b) Điểm đánh giá đạt từ điểm C (hoặc quy đổi tương đương) trở lên;

c) Thời điểm hoàn thành học phần không quá 05 năm tính tới thời điểm xét công nhận, chuyển đổi.

4. Hội đồng chuyên môn của khoa xem xét việc công nhận tín chỉ của người học và đề nghị Nhà trường công nhận thông qua phòng Đào tạo Sau đại học.

3.5. Học lại và học cải thiện điểm

a) Học viên có học phần không đạt phải đăng ký học lại theo quy định; điểm cao nhất của các lần học là điểm chính thức của học phần;

b) Học viên được quyền đăng ký học lại, học đổi (đối với các học phần tự chọn) các học phần đạt điểm C, C⁺ để cải thiện điểm. Điểm cao nhất trong các lần học sẽ được dùng để tính điểm trung bình học kỳ, trung bình tích lũy. Nhà trường không giới hạn số lần đăng ký học lại hoặc học đổi trong thời gian học viên được phép hoàn thành chương trình theo quy định. Học viên có thể đăng ký học lại, học đổi trong học kỳ chính hoặc học kỳ phụ theo kế hoạch tổ chức đào tạo của Nhà trường. Thủ tục đăng ký học lại, học đổi giống như đối với đăng ký một học phần mới.

3.6. Luận văn và hướng dẫn luận văn

1. Học viên theo học chương trình định hướng nghiên cứu phải thực hiện một đề tài nghiên cứu có khối lượng từ 12 đến 15 tín chỉ, kết quả được thể hiện bằng luận văn. Học viên thực hiện luận văn trong thời gian ít nhất 06 tháng.

2. Đề tài luận văn

a) Đề tài luận văn do trưởng đơn vị chuyên môn công bố hoặc do học viên đề xuất, có đề cương nghiên cứu kèm theo, được người hướng dẫn và trưởng đơn vị chuyên môn đồng ý;

Trước khi bắt đầu học các học phần theo hướng chuyên sâu, các đơn vị có đào tạo hướng chuyên sâu phối hợp với Phòng Đào tạo Sau đại học tổ chức giới thiệu cho học viên về các học phần này. Học viên có thể đề xuất tên đề tài luận văn và đề xuất người hướng dẫn khoa học ngay từ khi bắt đầu học các học phần theo hướng chuyên sâu.

b) Trên cơ sở đề xuất của học viên/người hướng dẫn khoa học/bộ môn, trưởng các đơn vị có đào tạo hướng chuyên sâu dự kiến phân công người hướng dẫn. Người hướng dẫn, các đơn vị có đào tạo hướng chuyên sâu cùng với học viên xác định đề tài và đề cương nghiên cứu. Trưởng các đơn vị có đào tạo hướng chuyên sâu tổ chức hội đồng duyệt tên đề tài và đề cương nghiên cứu, đề xuất danh sách phân công người hướng dẫn, tên đề tài của từng học viên, thông qua hội đồng xét duyệt đề tài và nộp cho Phòng Đào tạo Sau đại học để trình Hiệu trưởng xem xét ra quyết định chính thức. Hiệu trưởng ra quyết định giao đề tài cho học viên và cử người hướng dẫn trước khi tổ chức bảo vệ luận văn ít nhất 6 tháng.

c) Việc thay đổi đề tài, người hướng dẫn trước khi tổ chức bảo vệ luận văn do Hiệu trưởng quyết định, trên cơ sở đơn đề nghị của học viên, được người hướng dẫn và trưởng đơn vị chuyên môn đồng ý. Việc thay đổi đề tài, người hướng dẫn trong những trường hợp khác do thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định.

3. Yêu cầu đối với luận văn

Luận văn là một báo cáo khoa học, tổng hợp các kết quả nghiên cứu chính của học viên, đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Có đóng góp về lý luận, học thuật hoặc phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; thể hiện năng lực nghiên cứu của học viên;

b) Phù hợp với các chuẩn mực về văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của người Việt Nam;

c) Tuân thủ quy định về liêm chính học thuật và các quy định hiện hành của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác hoặc của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ, rõ ràng tại vị trí trích dẫn và tại danh mục tài liệu tham khảo. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả lao động của chính tác giả, chưa được người khác công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào;

d) Luận văn được trình bày khoa học, rõ ràng, mạch lạc, khúc chiết, không tẩy xóa.

e) Các quy định về kết cấu và hình thức luận văn, soạn thảo, định dạng trang văn bản, cách viết tắt, cách trình bày tài liệu tham khảo và trích dẫn, cách xếp danh mục tài liệu tham khảo, quy định về phụ lục luận văn theo hướng dẫn tại <https://www.utc.edu.vn/quy-che-tuyen-sinh-va-dao-tao-trinh-do-thac-si>

4. Luận văn được tổ chức đánh giá bằng hình thức bảo vệ trước hội đồng. Buổi bảo vệ được tổ chức công khai trừ những đề tài thuộc các lĩnh vực cần bảo mật thực hiện theo quy định của Nhà nước.

5. Điều kiện để học viên được bảo vệ luận văn:

a) Học viên đã hoàn thành tất cả các học phần của chương trình đào tạo;

b) Có đơn xin bảo vệ và cam đoan danh dự về kết quả nghiên cứu trung thực, đồng thời phải có ý kiến xác nhận của người hướng dẫn là luận văn đạt các yêu cầu theo quy định và đồng ý cho học viên bảo vệ luận văn;

c) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập;

d) Không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn;

đ) Hoàn thành việc nộp học phí theo quy định của Nhà trường;

e) Hoàn thiện hồ sơ đăng ký bảo vệ luận văn thạc sĩ và được Phòng Đào tạo Sau đại học thông qua.

6. Điểm luận văn là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên hội đồng có mặt trong buổi đánh giá luận văn theo thang điểm 10; được xếp loại đạt khi lớn hơn hoặc bằng 5,5 điểm.

7. Trong trường hợp luận văn không đạt yêu cầu, học viên được chỉnh sửa, bổ sung luận văn để được đánh giá lần thứ hai trong thời hạn 03 tháng tính từ ngày họp hội đồng đánh giá lần thứ nhất; không tổ chức đánh giá luận văn lần thứ ba.

3.7. Thẩm định luận văn

1. Khi có phản ánh, khiếu nại, tố cáo hoặc trong những trường hợp khác theo yêu cầu quản lý, Nhà trường quyết định việc tổ chức thẩm định chất lượng luận văn.

2. Xử lý kết quả thẩm định luận văn không đạt yêu cầu

Nếu hội đồng thẩm định kết luận luận văn không đạt yêu cầu thì Hiệu trưởng dừng việc cấp bằng hoặc thu hồi, huỷ bỏ bằng thạc sĩ đã cấp (nếu có) do học viên chưa đủ điều kiện tốt nghiệp.

3.8. Hướng dẫn, đánh giá và thẩm định học phần tốt nghiệp chương trình định hướng ứng dụng

1. Học viên theo học chương trình định hướng ứng dụng phải thực hiện một học phần tốt nghiệp từ 6 đến 9 tín chỉ dưới hình thức đề án, đồ án hoặc dự án (sau đây gọi chung là đề án). Học viên thực hiện đề án trong thời gian ít nhất 03 tháng.

2. Báo cáo đề án là một bản thuyết minh quá trình xây dựng, triển khai và kết quả triển khai đề án, đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Đề xuất và kiểm nghiệm được mô hình, giải pháp mới để giải quyết hiệu quả những thách thức trong thực tiễn; thể hiện năng lực ứng dụng khoa học, công nghệ và giải quyết vấn đề của học viên;

b) Các yêu cầu khác của đề án được quy định giống như với luận văn.

3. Trong trường hợp đề án không đạt yêu cầu, học viên được chỉnh sửa, bổ sung đề án để được đánh giá lần thứ hai trong thời hạn 45 ngày tính từ ngày họp hội đồng đánh

giá lần thứ nhất; không tổ chức đánh giá đề án lần thứ ba.

4. Các quy định khác về điều kiện để học viên được bảo vệ đề án, quy trình đánh giá, cách tính điểm đề án, quy định về lưu trữ và công bố đề án, được quy định giống như đối với luận văn.

3.9. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ

1. Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp:

a) Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ luận văn, đề án đạt yêu cầu;

b) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

c) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

2. Điểm trung bình toàn khóa là điểm trung bình của những học phần trong chương trình đào tạo dùng để tính điểm bao gồm cả luận văn, đề án tính theo điểm học phần và trọng số là số tín chỉ của học phần đó.

3. Đối với các học viên không đủ điều kiện tốt nghiệp theo thời gian học tập quy định, Phòng Đào tạo Sau đại học cấp chứng nhận kết quả các học phần học viên đã tích lũy trong chương trình đào tạo.

PHẦN IV. NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC ĐỐI VỚI HỌC VIÊN

4.1. Gia hạn bảo vệ luận văn/đề án, nghỉ học tạm thời, thôi học

1. Gia hạn bảo vệ luận văn/đề án

a) Điều kiện gia hạn: Việc xem xét gia hạn chỉ thực hiện khi học viên có lý do chính đáng.

Hồ sơ xét gia hạn bao gồm:

- Đơn xin gia hạn của học viên.

- Kết quả học tập (toàn bộ bảng điểm các môn phải học theo kế hoạch đã xác định từ đầu khóa, bao gồm: các học phần bổ sung (nếu có), các học phần của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, chuyên đề khoa học.

- Văn bản đề nghị của Trưởng Bộ môn/ Trưởng các đơn vị phụ trách chuyên môn và người hướng dẫn.

- Các minh chứng về nguyên nhân ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện đề tài luận văn/đề án.

- Phiếu chi tiết thu nộp học phí do Phòng Tài chính - Kế toán cấp.

b) Học viên có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính phát sinh khi gia hạn theo quy định của Trường;

c) Thời gian gia hạn mỗi lần là 06 tháng, tổng thời gian không được quá thời gian tối đa để học viên hoàn thành khoá học theo quy định.

4.2. Nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả

Học viên được phép nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau đây:

a) Được điều động vào lực lượng vũ trang;

b) Được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác của quốc gia, của ngành;

c) Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ sở khám, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế;

d) Vì lý do cá nhân khác nhưng phải hoàn thành ít nhất một học kỳ ở cơ sở đào tạo và không thuộc các trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật.

Thời gian nghỉ học tạm thời phải được tính vào thời gian tối đa để hoàn thành khóa học quy định.

Hồ sơ xin nghỉ học tạm thời bao gồm đơn xin nghỉ học và các minh chứng nếu thuộc các trường hợp a, b, c. Hồ sơ xin quay lại học tiếp bao gồm đơn và xác nhận của các cơ quan chức năng nếu thuộc trường hợp a, b, c; trường hợp d, phải có xác nhận của địa phương nơi cư trú.

5. Chấm dứt học tập đối với học viên

Hiệu trưởng ra quyết định chấm dứt học tập đối với học viên trong những trường hợp sau đây:

- a) Học viên không thể tiếp tục học tập, nghiên cứu dù còn trong thời gian đào tạo hoặc viết luận văn (kể cả thời gian gia hạn) nếu có đơn xin thôi học;
- b) Nghỉ học quá thời gian đào tạo cho phép;
- c) Bị kỷ luật 2 lần ở mức cảnh cáo; đã bị kỷ luật 1 lần ở mức đình chỉ học tập 1 năm, sau đó lại vi phạm kỷ luật khác;
- d) Bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- đ) Không nộp tiền học phí, không có điểm thi của tất cả các môn học của một học kỳ.

Học viên được Nhà trường quyết định cho thôi học vì lý do cá nhân, trừ trường hợp quy định trên.

6. Phòng Đào tạo Sau đại học tiếp nhận và thẩm định hồ sơ xin nghỉ học tạm thời, xin thôi học, xin quay lại học tiếp và trình Hiệu trưởng ký quyết định nếu đủ điều kiện.

4.3. Chuyển cơ sở đào tạo, chuyển nơi học và chuyển chương trình đào tạo

1. Học viên được xét chuyển cơ sở đào tạo, chuyển nơi học và chuyển chương trình đào tạo nếu đáp ứng các yêu cầu sau:

- a) Đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình đào tạo xin chuyển đến và cơ sở đào tạo xin chuyển đến có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- b) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng cơ sở đào tạo xin chuyển đi và cơ sở đào tạo xin chuyển đến đối với chuyển cơ sở đào tạo;
- c) Được sự đồng ý của thủ trưởng các đơn vị chuyên môn phụ trách chương trình, ngành đào tạo, người phụ trách Phân hiệu (nơi chuyển đi và chuyển đến) và của Hiệu trưởng cơ sở đào tạo đối với trường hợp chuyển nơi học và chuyển chương trình đào tạo trong cùng một cơ sở đào tạo;

d) Còn đủ thời gian để hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định và không đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

2. Việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ đã tích lũy đối với học viên thuộc các trường hợp chuyển cơ sở đào tạo, chuyển chương trình đào tạo phải bảo đảm quy định.

3. Thủ tục chuyển đến Trường Đại học Giao thông vận tải:

a) Học viên chuyển đến phải có đủ hồ sơ chuyển Trường bao gồm: đơn xin chuyển Trường (theo mẫu), hồ sơ minh chứng đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình/ngành đào tạo có nguyện vọng được chuyển đến, bảng kết quả học tập có xác nhận của Trường đang theo học, sơ yếu lý lịch;

b) Phòng Đào tạo Sau đại học tiếp nhận hồ sơ, đối chiếu các quy định tại khoản 1 Điều này đề xuất Hiệu trưởng quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận. Nếu được tiếp nhận, phòng Đào tạo Sau đại học chuyển kết quả học tập của học viên đã tích lũy cho khoa quản lý ngành/chương trình đào tạo thực hiện xét miễn học và công nhận tín chỉ theo quy định.

4. Học viên chuyển đi khỏi Trường Đại học Giao thông Vận tải phải làm đơn gửi Hiệu trưởng thông qua Phòng Đào tạo Sau đại học sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà trường.

4.4. Trao đổi học viên và hợp tác trong đào tạo

1. Điều kiện trao đổi học viên, hợp tác đào tạo, việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho học viên khi thực hiện chương trình đào tạo được quy định trong một văn bản riêng và công khai trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường.

2. Cơ sở đào tạo được trao đổi học viên với cơ sở đào tạo trong nước và nước ngoài (sau đây gọi là cơ sở đào tạo phối hợp) theo yêu cầu sau:

a) Cơ sở đào tạo trong nước phải được phép đào tạo cùng ngành ở trình độ thạc sĩ;

b) Cơ sở đào tạo ở nước ngoài phải là cơ sở giáo dục đại học, được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục nước sở tại công nhận về chất lượng, cho phép đào tạo và cấp bằng thạc sĩ trong nhóm ngành tương ứng.

3. Nguyên tắc thực hiện trao đổi học viên:

a) Hiệu trưởng hai cơ sở đào tạo đồng ý;

b) Số lượng tín chỉ học viên theo học ở cơ sở đào tạo phối hợp được công nhận không quá 25% tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo học viên đang theo học và bảo đảm quy định về công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ.

4.5. Xử lý vi phạm đối với học viên

1. Học viên có gian lận trong thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm.

2. Học viên thi hộ hoặc nhờ người thi hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 01 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Học viên vi phạm một trong các quy định sau đây sẽ bị buộc thôi học; bằng thạc sĩ nếu đã được cấp sẽ bị thu hồi, hủy bỏ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

a) Có hành vi gian lận trong tuyển sinh, học tập, bảo vệ luận văn, đề án hoặc gian lận trong việc làm hồ sơ để được cấp văn bằng, chứng chỉ;

b) Sử dụng kết quả của người khác hoặc sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận văn, đề án và bị hội đồng thẩm định kết luận nếu cắt bỏ những phần sử dụng, sao chép, trích dẫn đó thì luận văn, đề án không đạt yêu cầu;

c) Nhờ hoặc thuê người khác làm hộ luận văn, đề án.

4. Học viên nếu vi phạm quy định này thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính, bị xử lý kỷ luật theo quy định tại Quy định này, quy định học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp chính quy hiện hành.

PHẦN V. THÔNG TIN LIÊN HỆ

1. Phòng Đào tạo Sau đại học:

Phòng 205 và phòng 206 nhà A9 Trường Đại học Giao thông vận tải

Điện thoại: (024)32115687

Email: phongdtsdh@utc.edu.vn

stt	Họ và tên	Chức danh	Điện thoại liên hệ
1	Lê Hải Hà	Trưởng phòng	0912485540
2	Phạm Thị Lan Anh	P. Trưởng phòng	0989388793
3	Vũ Thị Lan Anh	Chuyên viên	0915203567
4	Vũ Bích Huệ	Chuyên viên	0983241176
5	Nguyễn Sỹ Hùng	Chuyên viên	0983984710
6	Phạm Thị Bích Thủy	Chuyên viên	0982971482
7	Nguyễn Tiến Minh Quân	Chuyên viên	0965577850

2. Các kênh thông tin online:

- Trang TTĐT của Trường: <http://www.utc.edu.vn/>
- Trang quản lý Đào tạo: <http://qldt.utc.edu.vn/>
- Trang sinh viên, học viên : <http://sinhvienhientai.utc.edu.vn/>
- Fanpage của Trường: <https://www.facebook.com/dhgtvtcaugiay/>
- Các biểu mẫu văn bản: <https://www.utc.edu.vn/mau-van-ban-sdh>
- Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ: <https://www.utc.edu.vn/quy-che-tuyen-sinh-va-dao-tao-trinh-do-thac-si>